

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

-----***-----

Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

Website: <http://www.viettelpost.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2014

Phụ lục số II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL
Năm 2014

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0104093672**
- Vốn điều lệ: **68.995.410.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **68.995.410.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 1 Giang Văn Minh, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **04.62660306**
- Số fax: **04.62873800**
- Website: **www.viettelpost.com.vn**
- Email: **admin@viettelpost.com.vn**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 13 tháng 4 năm 2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel, mã số doanh nghiệp 0104093672. Với việc cấp phép này Bưu chính Viettel chính thức là Tổng Công ty đầu tiên trong mô hình Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

Tiền thân từ Trung tâm phát hành báo chí được thành lập ngày 01/7/1997, với nhiệm vụ ban đầu là phục vụ các cơ quan Quân đội trong Bộ Quốc phòng. Năm 2006, Bưu chính Viettel chuyển đổi từ mô hình hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập thành Công ty TNHH NN 1 TV Bưu chính Viettel. Năm 2009 Bưu chính Viettel chính thức hoạt động với tư cách Công ty Cổ phần sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, qua 3 năm thực hiện cổ phần lợi nhuận hàng năm đều đạt từ 30-33% trên vốn chủ sở hữu.

Với chiến lược “Mạng lưới đi trước, kinh doanh đi sau” hiện mạng lưới phục vụ của Bưu chính Viettel đã có đến 98% các huyện (trừ huyện đảo), 85% các xã trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Năm 2009 Bưu chính Viettel đã mở rộng mạng lưới kinh doanh dịch vụ sang thị trường Campuchia và trở thành doanh nghiệp bưu chính đầu tiên của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Bước sang năm 2011, mạng lưới Bưu chính Viettel đã có mặt 23/23 tỉnh thành của Campuchia và chính thức được Bộ giao thông vận tải của



hai nước cấp phép kinh doanh dịch vụ vận tải liên vận Quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia.

Sau 15 năm hoạt động trên thị trường, Bưu chính Viettel hiện có gần 2.500 cán bộ nhân viên; với 4 công ty thành viên (*Công ty TNHH 1TV Bưu chính Viettel Tp Hồ Chí Minh, Công ty TNHH 1TV Bưu chính Viettel Tp Hà Nội, Công ty TNHH 1TV Bưu chính Liên tỉnh, Công ty TNHH Bưu chính Viettel Cambodia*) và 61 chi nhánh trên toàn quốc.

Cùng với sự phát triển không ngừng về doanh thu, chất lượng, Bưu chính Viettel vinh dự được xếp hạng 200 trong Top 500 thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam. Năm 2010 được Bộ Thông tin Truyền thông trao giải thưởng VICTA dành cho doanh nghiệp ứng dụng CNTT hiệu quả nhất; để giờ đây khách hàng của Bưu chính Viettel có thể tra cứu hành trình đường thư một cách nhanh nhất, đội ngũ nhân viên có thể theo dõi được sản lượng, doanh thu, công nợ, hàng hóa lưu chuyển trong toàn hệ thống chỉ cần bằng các thao tác trên phần mềm.

Với bề dày kinh nghiệm hoạt động trên thị trường bưu chính, với trí tuệ và tâm huyết của đội ngũ cán bộ nhân viên, Tổng công ty Bưu chính Viettel đang nỗ lực phấn đấu để doanh thu không ngừng khởi sắc, chất lượng không ngừng được nâng cao, xứng đáng với sự chọn lựa của các khách hàng, cổ đông và ngôi vị doanh nghiệp bưu chính hàng đầu Việt Nam.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh : (theo đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/11/2014)*

- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí;
- Kinh doanh thương mại trên mạng bưu chính, thương mại điện tử;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông: bán các thiết bị viễn thông đầu cuối; các loại thẻ viễn thông, điện thoại, Internet card;
- Cho thuê văn phòng;
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo trên bao bì chuyển phát nhanh của Công ty;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ vào xe có động cơ khác;
- Đại lý bảo hiểm;

- Dịch vụ vận tải liên vận quốc tế bằng đường bộ, đường thủy;

- Đại lý kinh doanh thẻ các loại;

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa;

- In ấn, các dịch vụ liên quan đến in;

- Dịch vụ logistic (bao gồm: dịch vụ bốc xếp hàng hóa, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ đại lý hải quan, lập kế hoạch bốc dỡ hàng hóa, tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin liên quan đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa trong suốt cả chuỗi Logistic; hoạt động xử lý hàng hóa bị khách hàng trả lại, hàng tồn kho, hàng hóa quá hạn, lỗi mốt và tái phân phối hàng hóa đó; hoạt động cho thuê và thuê container và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải) (thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về logistic);

- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa (thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về thương mại xuất nhập khẩu);

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dùng và không chuyên dùng theo hợp đồng;

- Vận tải hành khách bằng taxi, bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;

- Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi thương mại;

- Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán buôn, bán lẻ sách báo tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;

- Dịch vụ bưu chính;

- Dịch vụ chuyển phát;

- Quảng cáo;

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);

- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;

- Sửa chữa máy móc, thiết bị (bao gồm các mặt hàng công ty kinh doanh);

- Sửa chữa thiết bị liên lạc;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Vận tải hành khách đường bộ khác;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Cho thuê xe có động cơ;

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;

- Bán buôn đồ uống;

- Đại lý chi trả ngoại tệ;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật

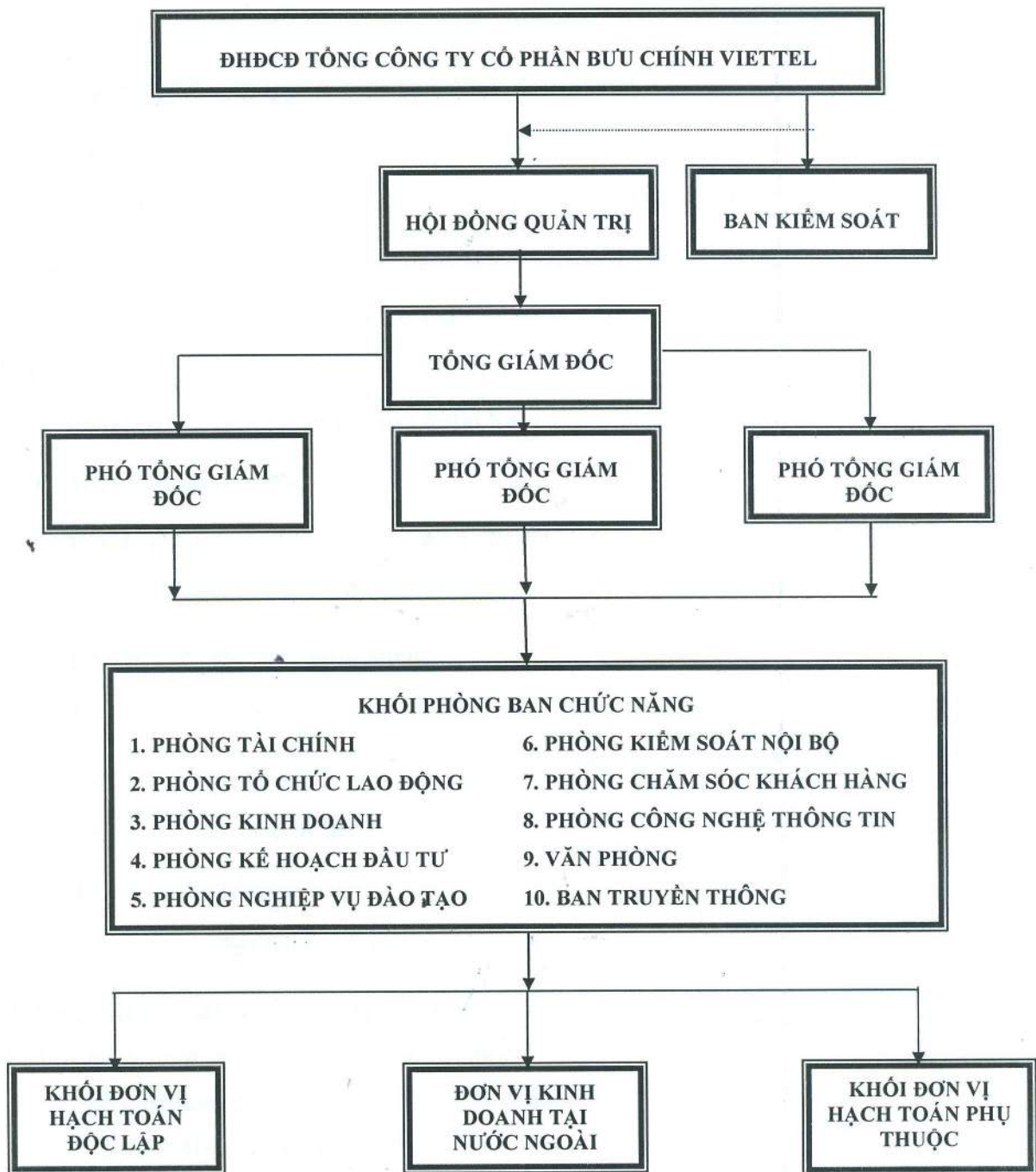
- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu là thị trường trong nước và một số nước do Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội đã và đang xúc tiến đầu tư.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ:



4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty

- Phần đầu tăng trưởng tổng doanh thu năm 2015 so với năm 2014 với tỷ lệ 33% đến 41%;

- Phát triển dịch vụ gia tăng theo tỷ lệ 30 – 70 (30% tổng doanh thu kinh doanh từ phát triển dịch vụ gia tăng và 70% doanh thu từ dịch vụ truyền thống);

- Nâng cao thương hiệu của Tổng Công ty trong lĩnh vực chuyển phát trong nước và quốc tế.

- Phát triển kết nối trực tiếp từ Việt Nam đi các nước.

- Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel Campuchia hoạt động hiệu quả và có lãi;

- Hiện đại hóa hệ thống chia chọn tự động tại các trung tâm khai thác;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng;

- Hợp tác, liên kết với một số hãng chuyển phát quốc tế phát triển thu, phát chuyên tuyến.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

▪ Mục tiêu doanh thu:

- Đạt doanh thu 2.400 tỷ đồng vào năm 2015;

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 35%/năm (2014 – 2019)

▪ Chiến lược đầu tư - phát triển:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng bưu chính;

- Đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào hoạt động kinh doanh;

- Trình độ quản lý tiên tiến;

- Phát triển nguồn nhân lực;

- Đầu tư vào phát triển sản phẩm.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Doanh thu cả năm đạt : 1.317,85 tỷ tăng 55,75% so với năm 2013

+ Lợi nhuận trước thuế đạt : 52,481 tỷ tăng 69% so với năm 2013

+ Lợi nhuận sau thuế đạt : 39,252 tỷ

+ Không phát sinh các khoản công nợ khó đòi, tình hình tài chính lành mạnh.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

+ Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ tăng 17%/kế hoạch năm 2014 (Kế hoạch 2014: 1.122,774 tỷ)

+ Lợi nhuận trước thuế cả năm tăng 53%/kế hoạch năm 2014 (Kế hoạch 2014: 34,343 tỷ).

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :
- 1/ Ông Hoàng Quốc Anh
 - Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty
 - Sinh năm : 1976
 - Số CMND: 012876583 do CA. Hà Nội cấp ngày 15/02/2006
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,027% (tương ứng với 1.639 cổ phần)
- 2/ Ông Nguyễn Đắc Luân
 - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
 - Sinh năm : 1967
 - Số CMND: 88047896 do Tổng cục Chính trị/BQP cấp ngày 15/03/2013
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,11% (do bản thân sở hữu tương ứng với 6.645 cổ phần)
- 3/ Ông Cao Đình Ngân
 - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
 - Sinh năm : 1980
 - Số CMND: 182349614 do Công an Nghệ An cấp ngày 18/3/1998
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,0165% (do bản thân sở hữu tương ứng với 990 cổ phần).
- 4/ Ông Phạm Văn Tuấn
 - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
 - Sinh năm : 1985
 - Số CMND: 162733553 do Công an Nam Định cấp ngày 14/7/2006
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0%.
- 5/ Bà Chu Kim Thoa
 - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
 - Sinh năm : 1979
 - Số CMND: 012344702 do Công an Hà Nội cấp ngày 26/05/2000
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,11% (do bản thân sở hữu tương ứng với 6.787 cổ phần).
- 6/ Ông Nguyễn Ngọc Anh
 - Chức vụ: Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT
 - Sinh năm: 1978
 - Số CMND: 011896750 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/04/2009
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,156% (do bản thân sở hữu tương ứng với 9.385 cổ phần)
 - Những thay đổi trong Ban điều hành:
 - 1/ Thay đổi Tổng Giám đốc:
Tháng 10, Tổng Công ty có sự thay đổi Tổng Giám đốc: Ông Hoàng Quốc Anh được bổ nhiệm thay thế Ông Lương Ngọc Hải.
 - 2/ Miễn nhiệm/ Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc:

Tháng 9, Tổng Công ty thực hiện miễn nhiệm đối với ông Phó Đức Hùng – Phó Tổng Giám đốc.

Tháng 6, Tổng Công ty thực hiện bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Phạm Văn Tuấn.

Tháng 10, Tổng Công ty thực hiện bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Cao Đình Ngân và bà Chu Kim Thoa.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 2.917 người.

- Tổng Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; Thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: 23,365 tỷ đồng hoàn thành 36,09% kế hoạch, tăng 60,39% so với năm 2013.

b. Các công ty con, công ty liên kết : Không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	276.129.298.161	380.123.122.453	+37,66
Doanh thu thuần	846.132.533.995	1.317.853.895.638	+55,75
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.027.804.632	57.979.363.944	+86,86
Lợi nhuận khác	(31.353.290)	(5.497.723.178)	+75,35
Lợi nhuận trước thuế	30.996.451.345	52.481.640.766	+69,31
Lợi nhuận sau thuế	22.651.368.034	39.252.781.503	+73,29
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	15%	15%	0

(Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,24	1,18	
	1,23	1,16	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,63	0,64	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,73	1,80	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	474,80	431,90	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,06	3,47	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,027	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,212	0,29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,083	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,037	0,04	

(Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán).

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 6.000.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 6.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo Điều lệ công ty: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty CP Bru chính Viettel theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/12/2014 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông hạn chế chuyển nhượng	0	0	0
2. Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng số CP)	2	4.389.047	73,15
- Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	1	4.084.300	68,07
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	1	304.747	5,08
3. Thành phần cổ đông	1.346	6.000.000	100,00
- Cá nhân trong nước	1.343	1.429.674	23,83
- Tổ chức trong nước	3	4.570.326	76,17

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2014, thị trường chuyển phát trong nước ngày càng khó khăn, cạnh tranh gay gắt nhưng Đảng ủy, Ban Giám đốc đã lãnh đạo Tổng Công ty vượt qua mọi khó khăn thách thức, hoàn thành cơ bản những mục tiêu, chỉ tiêu năm 2014 đã đề ra. Đồng thời tiếp tục xác định chiến lược phát triển của Tổng công ty “nâng cao sức cạnh tranh của Tổng Công ty thông qua chất lượng dịch vụ”, Ban Giám đốc đã điều hành triệt để việc ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất làm tỷ lệ vi phạm chất lượng dịch vụ tiếp tục giảm 17% so với năm 2013 (từ 0.012% giảm xuống còn 0.01%), quản lý chặt chẽ doanh thu, đảm bảo tốt công tác thu hồi công nợ, gần như không phát sinh công nợ tồn quá hạn. Đảm bảo an toàn về vốn đầu tư và kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh tại Campuchia đảm bảo có lãi,....

Về mạng lưới, Tổng công ty vẫn kiên định theo chủ trương “đầu tư phát triển mạng lưới trước, kinh doanh sau”, hiện nay, mật độ phủ đã đạt 98% quận huyện trên toàn quốc, phát triển mạng lưới tách độc lập hoàn toàn với mạng Bưu chính quốc gia, nâng cao chất lượng dịch vụ, tỷ lệ phát đúng giờ >90%, tương đương với các nước trong khu vực.

Quan tâm đến đời sống người lao động, Ban Giám đốc đã lãnh đạo các đơn vị thực hiện quyết toán theo tháng, quý, năm làm cơ sở cho việc thúc đẩy tiết kiệm chi phí, giảm chi phí phạt, nâng cao đời sống cho người lao động. Kết quả, 6 tháng cuối năm, chi phí vượt định mức, chi phí phạt đã giảm 54.5% so với 6 tháng đầu năm, tổng nguồn thưởng cho CBCNV năm 2014 tăng 53% so với năm 2013. Bên cạnh đó, năm 2014, Hoạt động của các tổ chức quần chúng đã diễn ra sôi nổi và thiết thực, tất cả các phong trào thi đua đều đạt giải cao cấp Tập đoàn; chế độ, chính sách và phúc lợi cho người lao động được quan tâm: tặng nhà tình nghĩa, nhà mái ấm, tặng sổ tiết kiệm, ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo,... với số tiền gần 0,5 tỷ đồng.

Những tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy hành chính của công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.

- Tổng Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, quý, tháng & từng tuần. Triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác giao ban, hội ý, giao việc được tổ chức định kỳ, thường xuyên, kịp thời, phân công trách nhiệm cụ thể, đôn đốc sát sao để công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được hiệu quả cao.

- Năm 2014 Tổng Công ty tiếp tục điều chỉnh & áp dụng định mức lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình, đặc thù công việc nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, tăng lợi nhuận tối đa, đời sống người lao động được nâng lên.

- Các biện pháp kiểm soát: Tổng Công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các phòng ban, các cá nhân về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, các khoản công nợ phải thu, phải trả, tăng khả năng quay vòng vốn,....

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Tài sản ngắn hạn	201.346,1	280.108,0	
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	92.421,6	124.977,9	
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	98.268,3	127.297,6	
+ Hàng tồn kho	1.717,6	3.774,7	
+ Tài sản ngắn hạn khác	8.938,6	13.047,8	
2. Tài sản dài hạn	74.783,2	100.015,1	
+ Tài sản cố định	55.285,6	78.876,0	
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	381,4	5.662,9	
+ Tài sản dài hạn khác	19.116,2	15.476,2	
Tổng cộng tài sản :	276.129,3	380.123,1	
3. Các chỉ tiêu đánh giá :			
Vòng quay tài sản	3,59	4,02	
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	11,2%	14,0%	

(Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán).

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
	Nợ ngắn hạn	162.380,3	237.837,5
1.	Vay và nợ ngắn hạn	1.967,7	3.254,2
2.	Phải trả người bán	31.880,1	91.306,7
3.	Người mua trả tiền trước	22.187,0	1.990,2
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	15.767,0	25.211,8
5.	Phải trả người lao động	67.794,3	74.753,9
6.	Chi phí phải trả	8.497,4	12.208,1
7.	Các khoản phải trả phải nộp khác	13.525,7	27.396,1
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	761,1	1.716,5
	Nợ dài hạn	6.129,2	6.621,5
10.	Vay và nợ dài hạn	5.411,2	6.016,5
11.	Phải trả dài hạn khác	718	605
12.	Dự phòng trợ cấp mất việc	-	-
	Tổng cộng	168.509,5	244.459,0

(Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã được kiểm toán).

Trong năm 2014 Tổng Công ty không có các khoản nợ xấu (bao gồm cả nợ phải thu và nợ phải trả), tình hình tài chính năm 2014 được đánh giá là lành mạnh, có hiệu quả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại các bộ phận trên cơ sở các bộ phận làm việc chuyên nghiệp, giảm bộ phận trung gian để làm nhỏ gọn bộ máy của Tổng Công ty.

Tổng Công ty thực hiện khoán triệt để đến từng người lao động để người làm nhiều được hưởng theo đúng sức lao động. Ngoài ra các chương trình chăm sóc đến tinh thần của CBCNV luôn được Ban Giám đốc Tổng Công ty quan tâm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tổng Công ty phấn đấu sẽ trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp dịch vụ logistic và chuyển phát tại Việt Nam.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty:

* Doanh thu cả năm 2014 đạt : 1.317,85 tỷ tăng 55,75% so với năm 2013, tăng 17% so với kế hoạch năm 2014

- Lợi nhuận trước thuế đạt : 52,481 tỷ tăng 69,31% so với năm 2013, tăng 53% so với kế hoạch năm 2014.

- Lợi nhuận sau thuế đạt : 39,252 tỷ

Năm 2014 Tổng Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

Tổng Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như : Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN...đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

Ban Giám đốc Tổng Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển của Tổng Công ty. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Tổng Công ty từ đó tạo động lực thúc đẩy Tổng Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Tổng Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Tổng Công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;
- HĐQT sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Tổng Công ty để đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD Tổng Công ty trong những năm tiếp theo;
- Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Tổng Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Tổng Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ của Tổng Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông Tổng Công ty.

V. Quản trị công ty:

1.Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có 7 nhân sự

- Danh sách HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác
Hoàng Sơn	Chủ tịch HĐQT	40,84%	Phó TGD Tập đoàn VTQĐ
Lương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	7,05%	Trưởng phòng Kế hoạch Tập đoàn VTQĐ
Nguyễn Đắc Luân	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	6,92%	
Nguyễn Việt Dũng	Thành viên HĐQT	6,81%	Phó TGD Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác
Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT	6,81%	Trưởng phòng Đầu tư Tài chính Tập đoàn VTQĐ
Luu Trung Thái	Thành viên HĐQT	5,08%	Thành viên HĐQT/Phó TGD Ngân hàng Quân đội
Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên HĐQT/Chánh Văn phòng	3,15%	

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Tổng Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 05 cuộc họp định kỳ để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Tổng Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. HĐQT luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành Tổng Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và kinh doanh có hiệu quả.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	22/NQ-HĐQT	14/02/2014	- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2013, quý 1 năm 2014 và kế hoạch quý 2 năm 2014. - Thông qua việc thanh lý và đầu tư tài sản của Tổng Công ty quý 2 năm 2014. - Thông qua việc thành lập Phòng Chính trị của Tổng Công ty.
2	24/NQ-HĐQT	11/04/2014	- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1 và kế hoạch quý 2 năm 2014. - Thông qua việc đề xuất tăng số lượng thành viên trong Hội đồng Quản trị - Thông qua kế hoạch và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014. - Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2014
3	38/NQ-HĐQT	15/07/2014	- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 2 và kế hoạch quý 3 năm 2014. - Thông qua các dự án đầu tư của Tổng Công ty trong quý 3 năm 2014

			- Thông qua kế hoạch vay vốn và bảo lãnh năm 2013 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1
4	39/NQ-HĐQT	14/10/2014	- Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện tăng vốn.
5	43/NQ-HĐQT	05/11/2014	- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 3 và kế hoạch quý 4 năm 2014 - Kiện toàn lại mô hình tổ chức của Tổng Công ty. - Nghiên cứu đầu tư ra thị trường Mianma

d)Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành : Không có

e)Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f)Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

2. Ban Kiểm soát:

a)Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Tổng Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

- Danh sách Ban Kiểm Soát:

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BKS	0,017%	Phó phòng Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Phạm Thanh Huyền	Thành viên BKS	0%	Chuyên viên Phòng Đầu tư Tài chính - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Vũ Ngọc Phước	Thành viên BKS	0,012%	Phó phòng Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

b)Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Tổng Công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Tổng Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 được tổ chức vào ngày 26/04/2014 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2014 theo các mức như sau:

STT	Thành phần	Số tiền bình quân (đồng)/tháng	Thời gian đảm nhiệm vị trí
1	Ông Dương Văn Tính - Chủ tịch HĐQT	3.000.000	4 tháng
2	Ông Lương Ngọc Hải- Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
3	Ông Phó Đức Hùng - Thành viên HĐQT	2.000.000	4 tháng
4	Ông Lưu Trung Thái – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
5	Ông Nguyễn Ngọc Anh – Thành viên HĐQT	2.000.000	4 tháng
6	Ông Hoàng Tuấn Linh – Trưởng ban Kiểm soát	2.000.000	4 tháng
7	Bà Đặng Thị Kim Hoa - Trưởng ban Kiểm soát (từ ngày 26/4/2014)	1.667.000	4 tháng TV Ban KS và 8 tháng TBKS
8	Ông Hoàng Sơn - Chủ tịch HĐQT (từ ngày 26/4/2014)	3.000.000	8 tháng
9	Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Chủ tịch HĐQT (từ ngày 26/4/2014)	2.000.000	8 tháng
10	Bà Nghiêm Phương Nhi – Thành viên HĐQT (từ ngày 26/4/2014)	2.000.000	8 tháng
11	Ông Nguyễn Đắc Luân – Thành viên HĐQT (từ ngày 26/4/2014)	2.000.000	8 tháng
12	Ông Nguyễn Quốc Hùng – Thành viên HĐQT (từ ngày 26/4/2014)	2.000.000	8 tháng
STT	Thành phần	Số tiền	

		(đồng)/tháng	
8	Ông Vũ Ngọc Phước - Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000	
10	Bà Phạm Thanh Huyền – Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 26/4/2014)	1.000.000	8 tháng
9	Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thư ký HĐQT	1.500.000	

Bảng tổng hợp các khoản thưởng, thù lao của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT trong năm 2014:

Stt	Nội dung	Chức vụ	Năm 2013		
			Thù lao	Thưởng/Chi phí khác	Tổng
I/	Hội đồng Quản trị :		164.000.000	0	164.000.000
1	Dương Văn Tính	CT. HĐQT	12.000.000	0	12.000.000
2	Lương Ngọc Hải	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
3	Phó Đức Hùng	TV HĐQT	8.000.000	0	8.000.000
4	Lưu Trung Thái	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
5	Nguyễn Ngọc Anh	TV HĐQT	8.000.000	0	8.000.000
6	Hoàng Sơn	CT. HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
7	Nguyễn Việt Dũng	PCT.HĐQT	16.000.000	0	16.000.000
8	Nghiêm Phương Nhi	TV HĐQT	16.000.000	0	16.000.000
9	Nguyễn Đắc Luân	TV HĐQT	16.000.000	0	16.000.000
10	Nguyễn Quốc Hùng	TV HĐQT	16.000.000	0	16.000.000
II/	Ban Kiểm soát:		48.000.000	0	48.000.000
1	Hoàng Tuấn Linh	Trưởng BKS	8.000.000	0	8.000.000
2	Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BKS + TV BKS	20.000.000	0	20.000.000
3	Vũ Ngọc Phước	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
4	Phạm Thanh Huyền	TV BKS	8.000.000	0	8.000.000
III	Thư ký HĐQT		18.000.000	0	18.000.000
12	Nguyễn Thanh Tùng	Thư ký HĐQT	18.000.000	0	18.000.000
	Tổng cộng :		230.000.000	0	230.000.000

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng Công ty : Mọi hoạt động về quản trị Tổng Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG :

TS
TỔ
C
BU
SA



KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72-Storey Building, Plot E6, Phạm Hùng Street
Mê Trì, Từ Liêm, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3945 1600
Fax +84 (4) 3945 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Hội đồng Quản trị và các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 24-03-2015, được trình bày từ trang 5 đến 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-464



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		280.108.015.258	201.346.119.901
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	124.977.855.557	92.421.576.095
Tiền	111		36.877.855.557	26.567.576.095
Các khoản tương đương tiền	112		88.100.000.000	65.854.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	11.010.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		11.010.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.297.651.970	98.268.315.544
Phải thu khách hàng	131		116.378.617.747	81.435.897.984
Trả trước cho người bán	132		3.232.540.684	1.485.611.456
Các khoản phải thu khác	135	7	7.813.387.118	15.500.649.809
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(126.893.579)	(153.843.705)
Hàng tồn kho	140	8	3.774.720.181	1.717.647.514
Hàng tồn kho	141		3.774.720.181	1.717.647.514
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.047.787.550	8.938.580.748
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.711.523.391	697.725.857
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		557.600.475	-
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		473.006.093	71.044.856
Tài sản ngắn hạn khác	158		10.305.657.591	8.169.810.035
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		100.015.107.195	74.783.178.264
Tài sản cố định	220		78.876.046.942	55.285.607.597
Tài sản cố định hữu hình	221	9	53.057.982.974	35.544.892.528
Nguyên giá	222		92.619.704.171	65.535.160.414
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.561.721.197)	(29.990.267.886)
Tài sản cố định vô hình	227	10	24.145.685.032	11.588.231.022
Nguyên giá	228		26.043.112.167	12.788.233.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.897.427.135)	(1.200.002.778)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.672.378.936	8.152.484.047
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	5.662.880.938	381.355.164
Đầu tư dài hạn khác	258		6.180.000.000	780.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(517.119.062)	(398.644.836)
Tài sản dài hạn khác	260		15.476.179.315	19.116.215.503
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	11.118.023.423	18.233.751.216
Tài sản dài hạn khác	268		4.358.155.892	882.464.287
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		380.123.122.453	276.129.298.165

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		244.459.054.576	168.509.485.907
Nợ ngắn hạn	310		237.837.507.373	162.380.225.353
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	3.254.240.112	1.967.731.112
Phải trả người bán	312	15	91.306.709.682	31.880.054.442
Người mua trả tiền trước	313		1.990.180.101	22.187.036.610
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	25.211.811.066	15.766.955.788
Phải trả người lao động	315		74.753.868.919	67.794.260.049
Chi phí phải trả	316	17	12.208.141.313	8.497.378.797
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	27.396.120.524	13.525.727.576
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.716.435.656	761.080.979
Vay và nợ dài hạn	330		6.621.547.203	6.129.260.554
Phải trả dài hạn khác *	333		605.000.000	718.000.000
Vay dài hạn	334	19	6.016.547.203	5.411.260.554
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		135.664.067.877	107.619.812.258
Vốn chủ sở hữu	410	20	135.664.067.877	107.619.812.258
Vốn góp	411	21	60.000.000.000	60.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	2(b)(ii)	585.929.528	515.571.394
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	20.054.323.181	20.054.323.181
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	6.193.504.575	4.492.149.650
Lợi nhuận chưa phân phối	420	20	48.830.310.593	22.557.768.033
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		380.123.122.453	276.129.298.165

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
USD	129.165	119.351
KHR	80.232.700	1.775.960

Người lập:



Đỗ Xuân Tiến
Phó phòng kế toán

Người duyệt:




Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Anh
Tổng Giám đốc

24-03-2015


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	24	1.317.853.895.638	846.132.533.995
Giá vốn hàng bán	11	25	1.186.771.344.780	761.049.102.550
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		131.082.550.858	85.083.431.445
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.097.532.721	3.316.371.800
Chi phí tài chính	22		1.902.459.727	1.305.205.436
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		506.242.385	227.514.563
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		75.298.259.908	56.066.793.174
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 25}	30		57.979.363.944	31.027.804.635
Thu nhập khác	31		1.457.911.703	2.287.269.670
Chi phí khác	32	27	6.955.634.881	2.318.622.960
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(5.497.723.178)	(31.353.290)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.481.640.766	30.996.451.345
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	13.228.859.263	8.345.083.311
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		39.252.781.503	22.651.368.034
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Tổng Công ty	62		39.252.781.503	22.651.368.034
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	29	6.542	3.775

Người lập:



Đỗ Xuân Tiến
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Anh
 Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Anh
 Tổng Giám đốc

24 -03-2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.894.560.782.094	981.877.950.054
Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.296.954.570.233)	(615.656.966.300)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(322.148.972.439)	(222.057.805.158)
Tiền chi trả lãi vay	04	(502.669.835)	(1.716.717.964)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(12.641.292.616)	(6.553.577.221)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	398.059.058.460	119.361.490.139
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(585.978.807.338)	(203.149.650.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	74.393.528.093	52.104.723.183
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(22.225.629.559)	(3.858.883.013)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(16.410.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	3.412.034.084	3.216.402.631
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(35.223.595.475)	(642.480.382)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	3.859.526.761	1.924.790.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.967.731.112)	(5.213.414.834)
Tiền trả cổ tức	36	(8.539.008.785)	(8.840.423.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(6.647.213.136)	(12.129.048.384)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2014 VND	2013 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	32.522.719.482	39.333.194.417
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	92.421.576.095	53.056.617.727
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	5.755.646	-
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	61.a	27.804.334	31.763.951
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 61.a) (Thuyết minh 5)	70	124.977.855.557	92.421.576.095



Người lập:

Đỗ Xuân Tiến
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Anh
 Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Anh
 Tổng Giám đốc

24 -03- 2015

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC